

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 02 – 2018
V/v không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chiến.

Ông Võ Sỹ Hùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 963/2017/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2017 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Tuyết H; cư trú tại ấp B, xã H, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn C; cư trú tại ấp B, xã H, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, bà Trần Tuyết H và ông Võ Văn C chung sống với nhau vào năm 1988, có tổ chức cưới gả theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, bà H cho rằng giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông C không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên uống rượu về nhà chửi vợ con nên vợ chồng thường hay cự cãi với nhau, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, hiện bà và ông C đã sống ly thân từ 05 năm nay, cuộc sống nản ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung, bà H khai có 02 người con chung gồm: Võ Tuyết Lan, sinh năm 1989 và Võ Hoàng Nghĩa, sinh năm 1991. Hiện các con của bà và ông C đã thành niên, tự nuôi sống được nên khi ly hôn, bà H không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, bà H khai có nhưng giữa bà với ông C sẽ tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung, bà H khai không có.

Đối với ông Võ Văn C, trong thời gian giải quyết vụ án tuy đã được Toà án triệu tập hợp lệ, song ông C vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân, bà H và ông C chung sống với nhau vào năm 1988 đến nay tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn theo luật định nên căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý. Nay bà H yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt. Riêng ông C tuy đã được triệu tập hợp lệ, song ông vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, ông C không đến Toà, không gửi văn bản ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện cũng như lời trình bày của bà H nên lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, thời gian sống ly thân là đúng. Mặt khác, do hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung là Võ Tuyết Lan, sinh năm 1989 và Võ Hoàng Nghĩa, sinh năm 1991. Khi ly hôn, do các con của bà H đã thành niên nên bà không đặt ra yêu cầu gì về con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, bà H khai có nhưng bà không yêu cầu Toà án giải quyết mà giữa bà với ông C tự thoả thuận với nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp không thoả thuận được, bà H và ông C có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

[4] Về nợ chung, bà Hồng khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về thủ tục tố tụng: Ông C đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng ông vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, bà H phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Trần Tuyết H và ông Võ Văn C.

- Về con chung là Võ Tuyết Lan, sinh năm 1989 và Võ Hoàng Nghĩa, sinh năm 1991. Hiện các con của bà H và ông C đã thành niên, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, bà H và ông C tự thoả thuận với nhau nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung, bà H khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Bà Trần Tuyết H phải nộp số tiền 300.000đ. Vào ngày 06/12/2017, bà H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0000074 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Bà H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Hoài Ân